TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang;

2. Ông Nguyễn Duy Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thái Thị Thuý Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông **Nguyễn Cường A**, sinh năm 1987; địa chỉ: số A1, hẻm số A2, đường số A3, đường A4, tổ A5, ấp A6, xã A7, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị Thùy B**, sinh năm 1987; địa chỉ: địa chỉ: số A1, hẻm số A2, đường số A3, đường A4, tổ A5, ấp A6, xã A7, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Cường A trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thùy B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A7, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh ngày 17/3/2014. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2021 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn về tính tình và từ khi ông bị bệnh cột sống không thể đi làm, không có thu nhập nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Cho đến tết nguyên đán năm 2022 thì bà B đem theo con chung và bỏ nhà đi từ đó đến nay, ông không biết bà B đi đâu, làm gì, ở đâu, vì không có cách nào liên lạc được với bà B, ông cũng không gặp được con. Ông cũng trực tiếp về quê vợ ở tỉnh Tiền Giang để tìm gặp vợ con mong hàn gắn nhưng không gặp được, do đó ông không thể nào hàn gắn tình cảm với vợ được. Vào tháng 11 âm lịch năm 2023, sau khi ông đã nộp đơn ly hôn ở Tòa án thì bà B biết việc ông nộp đơn ly hôn nên có về nhà và giao con Nguyễn Kim C cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, sau đó bà B bỏ đi ông cũng không biết bà B đi đâu. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thuỳ B.

Về con chung: ông và bà B 01 con chung tên Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/4/2014, hiện tại đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Kim C, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án – bị đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần theo quy định nhưng bà B không cung cấp Văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Cường A đối với bà Nguyễn Thị Thuỳ B; về con chung: giao con chung tên Nguyễn Kim C cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí tính theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn – ông Nguyễn Cường A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn – bà Nguyễn Thị Thuỳ B, do bị đơn cư trú tại xã A7, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do đó căn cứ khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Về tố tung: bị đơn – bà Nguyễn Thị Thuỳ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng bà B vắng mặt không lý do, nguyên đơn – ông Nguyễn Cường A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Cường A và bà Nguyễn Thị Thuỳ B chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đông ngày 17/3/2014, nên hôn nhân giữa ông A và bà B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nguyên đơn - ông A trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường hay cãi nhau lý do mâu thuẫn về tính tình bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm ai, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên ông A khởi kiện xin ly hôn với bà B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà B đến Tòa án nhưng bà B không đến Toà án, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa cũng như không có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông A, cho thấy bà B không có thiện chí được đoàn tụ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông A và bà B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ; xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Cường A đối với bà Nguyễn Thị Thuỳ B theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: ông A và bà B có 01 con chung tên Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/4/2014, hiện đang sống cùng với ông A, ông A yêu cầu được nuôi con, do đó cần giao cháu Nguyễn Kim C cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Cường A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Cường A.

Ông Nguyễn Cường A và bà Nguyễn Thị Thuỳ B được ly hôn.

2. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/4/2014, cho ông Nguyễn Cường A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Cường A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0010563 ngày 10-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận ông A đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tx. Hòa Thành;
- Chi cục THADS tx. Hòa Thành;
- UBND xã A7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Hòa